

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07-02-2023
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Đoàn Thị Kiều Oanh
- Ông Nguyễn Văn Bàng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Không.

Ngày 07 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị D, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1968 (có mặt);
- Bị đơn:** Ông Thái Văn Th, sinh năm 1968 (vắng mặt);
Cùng địa chỉ: ấp L2, xã HY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 26/8/2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày và yêu cầu như sau:

Bà và ông Thái Văn Th chung sống với nhau vào năm 1988, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Bà và ông Thái Văn Th có 04 người con chung tên: Thái Thị G, sinh ngày 21/3/1989, Thái Văn N, sinh ngày

21/12/1991, Thái Văn Đ, sinh ngày 23/3/1992 và Thái Quốc Ngh, sinh ngày 19/12/1995 hiện nay các con của bà đã trưởng thành và có gia đình riêng; về tài sản chung, bà và ông Thái Văn Th tự thỏa thuận, không tranh chấp không yêu cầu giải quyết; về nợ, bà và ông Thái Văn Th không có nợ người khác, người khác không nợ ông bà. Quá trình chung sống bà và ông Thái Văn Th không hợp nhau nên thường xảy ra cự cãi bất hòa, hôn nhân không hạnh phúc. Ông bà cố gắng dàn xếp để chung sống cùng nhau nhưng đến nay dẫn không dùng hòa với nhau được, ông Thái Văn Th thường xuyên uống rượu về đánh đập bà, dùng lời lẽ thô tục xúc phạm bà nên ông bà đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay về quan hệ hôn nhân, bà thấy bà và ông Thái Văn Th không còn tình cảm vợ chồng, bà yêu cầu được ly hôn với ông Thái Văn Th, khi ly hôn các con của ông bà đã trưởng thành và có gia đình riêng nên bà không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ, bà và ông Thái Văn Th tự thỏa thuận, không tranh chấp, không có nợ người khác, người khác không nợ ông bà nên bà không yêu cầu giải quyết phân chia tài sản và nợ.

** Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 17 tháng 11 năm 2022 và đơn yêu cầu giải quyết xét xử vắng mặt ngày 23 tháng 12 năm 2022, bị đơn ông Thái Văn Th trình bày như sau:*

Về quan hệ hôn nhân, ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị D. Về quan hệ con chung, ông xác định ông và bà Nguyễn Thị D có 04 người con chung tên: Thái Thị G, sinh ngày 21/3/1989, Thái Văn N, sinh ngày 21/12/1991, Thái Văn Đ, sinh ngày 23/3/1992 và Thái Quốc Ngh, sinh ngày 19/12/1995 hiện nay các con đã trưởng thành nên ông không ý kiến yêu cầu gì. Về tài sản chung và nợ, ông xác định ông và bà Nguyễn Thị D chung sống không có tài sản chung và nợ không có nợ người khác, người khác không nợ ông bà nên ông không yêu cầu giải quyết. Ông bận công việc gia đình nên ông yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt ông trong quá trình giải quyết vụ án.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm:* Giấy chứng minh nhân dân Nguyễn Thị D và sổ hộ khẩu gia đình (Bản sao); 04 giấy khai sinh tên Thái Thị G, sinh ngày 21/3/1989; Thái Văn N, sinh ngày 21/12/1991; Thái Văn Đ, sinh ngày 23/3/1992 và Thái Quốc Ngh, sinh ngày 19/12/1995 (Bản sao); Đơn xin xác nhận chưa đăng ký kết hôn ngày 23 tháng 8 năm 2022 của bà Nguyễn Thị D (Bản chính); Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của đương sự ngày 25/5/2022 của bà Nguyễn Thị D (Bản chính); Giấy chứng minh nhân dân Thái Văn Th (Bản phô tô).

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D yêu cầu được ly hôn với ông Thái Văn Th, khi ly hôn các con chung của bà và ông Thái Văn Th đã trưởng thành và có gia đình riêng nên bà không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ, bà và ông Thái Văn Th tự thỏa thuận, không tranh chấp, không có nợ người khác, người khác không nợ ông bà nên bà không yêu cầu giải quyết phân chia tài sản và nợ.

Bị đơn ông Thái Văn Th có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Thái Văn Th. Nguyên đơn và bị đơn đều nơi cư trú tại: ấp L2, xã HY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Thái Văn Th biết và ấn định thời gian để ông có ý kiến về việc bà Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông, thì ông gửi văn bản trình bày ý kiến và đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án. Như vậy, đây thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Đồng thời, tại phiên tòa bà Nguyễn Thị D không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Thái Văn Th theo quy định tại khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự..

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, bà Nguyễn Thị D và ông Thái Văn Th chung sống với nhau vào năm 1988, đến nay ông bà không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân xã, thị trấn nơi ông bà cư trú*) là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, năm 2000 và năm 2014. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị D yêu cầu được ly hôn với ông Thái Văn Th thì ông Thái Văn Th cũng đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị D nhưng do

ông bà không có đăng ký kết hôn nên không thể ghi nhận thuận tình ly hôn giữa ông bà được. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị D và ông Thái Văn Th là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, bà Nguyễn Thị D và ông Thái Văn Th cùng thống nhất xác định, ông bà chung sống với nhau có 04 người con chung tên: Thái Thị G, sinh ngày 21/3/1989, Thái Văn N, sinh ngày 21/12/1991, Thái Văn Đ, sinh ngày 23/3/1992 và Thái Quốc Ngh, sinh ngày 19/12/1995 hiện nay các con của ông bà đã trưởng thành, ông bà không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ, bà Nguyễn Thị D và ông Thái Văn Th cùng thống nhất xác định, ông bà không có tranh chấp, tự thỏa thuận chia tài sản chung, không nợ người khác, người khác không nợ ông bà và ông bà không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 207, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị D và ông Thái Văn Th là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Thái Văn Th cùng thống nhất xác định, ông bà chung sống với nhau có 04 người con chung tên: Thái Thị G, sinh ngày 21/3/1989, Thái Văn N, sinh ngày 21/12/1991, Thái Văn Đ, sinh ngày 23/3/1992 và Thái Quốc Ngh, sinh ngày 19/12/1995 hiện nay các con của ông bà đã trưởng thành, ông bà không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ: Bà Nguyễn Thị D và ông Thái Văn Th cùng thống nhất xác định, ông bà không có tranh chấp, tự thỏa thuận chia tài sản chung, không nợ người khác, người khác không nợ ông bà và ông bà không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

4. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003718 ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Bà Nguyễn Thị D đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 07/02/2023. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA,VP (Kiều).

Trần Văn Thảo